

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 113/ORGANIC/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TẬP ĐOÀN ORGANIC**

Địa chỉ: Thôn Cao Sơn, Xã Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 036.9360393

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp : 0109331176

Số Giấy chứng nhận ISO 22000:2018: GOODVN 54720.FMS

Ngày Cấp/Nơi cấp: 24/09/2023 do CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM cấp

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung: HETHY FOOD

2. Thành phần: Soy protein Isolate ISOPRO580 (đạm đậu nành), Gạo lứt, hạt ngô, hạt óc chó, sachi, hạt bí, mè, hạt macca, đậu đen, hạnh nhân, hạt sen, yến mạch, hạt chia, đậu đỏ, đậu xanh, đậu hà lan, Nondairy creamer (bột kem không béo), Fos (chất xơ hòa tan), AquaminF (Canxi từ tảo biển đỏ Lithothamnium), Hỗn hợp Vitamin và khoáng chất tổng hợp Premix VM GL9 (Potassium Chloride, Magne-sium Hydrogen Phosphate, Magnesium Oxide, sodium Ascorbate, Di-alpha-Tocopheryl acetate, Zinc sulphate, Ferric Pyrophosphate, Potassium Iodide, copper Powder (copper Sulphate), Vitamin B3 - Nicotinamide, Sodium selenite, Vitamin A Acetate, Vitamin D3, Vít B9 - Pteroylmonoglutamic Acid, Vitamin B5 -calcium D Pantothenate, Manganese sulphate, Vitamin B6 - Pyridoxine Hydrochloride, Vitamin B12 (Cyanoco-balamin), Sodium Molybdate, D-Biotin, Vitamin B1 - Thiamin Mononitrate, vitamin B2 - Riboflavin, chromium chloride, Vitamin K1, Maltodextrin là chất mang) (1%), chất tạo ngọt tự nhiên steviol glycoside (đường cỏ ngọt), hương liệu tự nhiên dùng trong thực phẩm : Hương chuối



3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) ghi trên nhãn/bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

+ Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh 900g/lon, 800g/lon, 400g/lon, 500g/ lon, 200g/ hộp, 300g/ hộp, 400g/ hộp, 450g/ hộp, 500g/hộp, 800g/hộp, 900g/hộp

+ Chất liệu bao bì đóng gói: Sản phẩm được đựng trực tiếp trong lon thiếc, hộp nhựa, túi thiếc, hộp giấy bên ngoài là thùng giấy.

Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TẬP ĐOÀN ORGANIC

-Địa chỉ: Lô Cn-2 khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Hà Nội

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo

- Tiêu chuẩn sản phẩm số **TCCS/79/ORGANIC/2024**

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Đạt

[illegible][illegible]

- **Đối tượng sử dụng:** Dành cho người từ 3 tuổi trở lên
- **Công dụng:** Bổ sung Vitamin và khoáng chất

BẢO QUẢN:

Dùng làm thức uống hàng ngày.
Pha 1 gói 25g với 150-200ml nước.
khuấy đều và thưởng thức.
Mỗi ngày dùng 2-3 gói hoặc theo
nhu cầu.

24 tháng kể từ ngày sản xuất
Số TCH:

Nhà phân phối độc quyền:
HỘI DOANH MẠI VIỆT NAM
Đa chi ĐS: Đường số 5, phường
Đa chi, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thường nhận tư vấn bán hàng và chịu trách nhiệm
sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TẬP ĐOÀN ORGANIC
Đa chi là Cơ- Khẩu công nghiệp Thủ Nghĩa, Xã Thủ Nghĩa
Huyện Chương Mỹ, Hà Nội

Thương nhân tự công bố, sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TẬP ĐOÀN ORGANIC
Địa chỉ: Lô Cn-2 khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa,
Huyện Chương Mỹ, Hà Nội

THỰC PHẨM
BỔ SUNG

**HETHY
FOOD**

KLT : 500G
20 Gói
x 25g

CÔNG NGHỆ LẠNH



THÔNG TIN DINH DƯỠNG		
(theo lượng cung bố trong 100g)		
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TRONG 100g
Năng lượng	Kcal	364
Protein	g	36.7
Tổng chất béo	g	5.56
Chất béo bão hòa	mg	574
Chất béo trans	g	0
Cholesterol	mg	0
Carbohydrate	g	41.7
Chất xơ hòa tan	g	17.9
Đường	g	18.7
Natri	mg	363
Kali	mg	693
Canh	mg	340
Phospho	mg	289
Magie	mg	51
Sắt	mg	13.4
Vitamin A	mcg	250
Vitamin D3	mcg	3
Vitamin E1	mcg	12
Vitamin B1	mcg	250
Vitamin B2	mcg	270
Vitamin B3	mcg	3.2

Ngưỡng dung nạp tối đa

Thực phẩm bổ sung : **HỆNHY FOOD**



Ngưỡng dung nạp tối đa theo thông tư 43

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố trong 100g	Mức sử dụng theo cách pha	Ngưỡng dung nạp tối đa theo thông tư 43						Kết luận
				1-3 tuổi	4-8 tuổi	9-13 tuổi	14-18 tuổi	Người lớn >19 tuổi	Người già >51 tuổi	
Vitamin A	mcg	250,00	125,0	600,0	900,0	1700,0	2800,0	3000,0	3000,0	đạt
Vitamin D3	mcg	3,00	1,5	63,0	75,0	100,0	100,0	100,0	100,0	đạt
Vitamin K1	mcg	12,00	6,0	KC	KC	KC	KC	KC	KC	đạt
Vitamin B1	mcg	250,00	125,0	KC	KC	KC	KC	KC	KC	đạt
Vitamin B2	mcg	270,00	135,0	KC	KC	KC	KC	KC	KC	đạt
Vitamin B3	mg	3,20	1,6	10,0	15,0	20,0	30,0	35,0	35,0	đạt
Magie	mg	51,00	25,5	65,0	110,0	350,0	350,0	350,0	350,0	đạt
sắt	mg	13,40	6,7	40,0	40,0	40,0	45,0	45,0	45,0	đạt

KC: không đủ cơ sở dữ liệu để xác định liều dung nạp tối đa

BẢNG TRÌNH MỨC ĐÁP ỨNG NHU CẦU DINH DƯỠNG KHUYẾN NGHỊ VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT HÀNG NGÀY
(Theo Thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Thực phẩm bổ sung : **HEALTHY FOOD**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố trong 100g	Mức sử dụng theo cách pha	1-3 tuổi	4-6 tuổi	7-9 tuổi	Nam vị thành niên						Nữ vị thành niên					
								10-12 tuổi	13-15 tuổi	16-18 tuổi	19-49 tuổi	50-60 tuổi	>60 tuổi	10-12 tuổi	13-15 tuổi	16-18 tuổi	19-49 tuổi	50-60 tuổi	>60 tuổi
1	Vitamin A	mcg	250	125	31,25	27,78	25,00	20,83	20,83	20,83	20,83	20,83	20,83	20,83	20,83	20,83	25,00	25,00	20,83
2	Vitamin D3	mcg	3	1,5	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	15,00	10,00	30,00	30,00	30,00	15,00	15,00	10,00
3	Vitamin K1	mcg	12	6	46,15	31,58	25,00	17,65	12,00	10,34	10,34	-	-	17,14	12,24	12,00	11,76	-	-
4	Vitamin B1	mcg	250	125	25,00	20,83	13,89	10,42	10,42	10,42	10,42	10,42	10,42	11,36	11,36	11,36	10,42	11,36	11,36
5	Vitamin B2	mcg	270	135	27,00	22,50	15,00	10,38	10,38	10,38	10,38	10,38	10,38	13,50	13,50	13,50	12,27	12,27	12,27
6	Vitamin B3	mg	3,2	1,6	26,67	20,00	13,33	10,00	10,00	10,38	10,38	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
7	Canxi	mg	340	170	34,00	28,33	24,29	17,00	17,00	17,00	24,29	17,00	17,00	17,00	17,00	17,00	24,29	17,00	17,00
8	Phospho	mg	289	144,5	31,41	28,90	28,90	11,56	11,56	11,56	20,64	20,64	20,64	11,56	11,56	11,56	20,64	20,64	20,64
9	Magne	mg	51	25,5	39,23	33,55	25,50	16,45	11,33	9,81	12,44	12,44	12,44	15,94	11,59	10,63	12,44	12,44	12,44
10	Sắt	mg	13,4	6,7	57,76	53,17	37,64	22,95	22,95	17,82	24,45	24,45	-	23,93	23,93	10,24	24,45	24,45	29,65

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TẬP ĐOÀN ORGANIC

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM (Tiêu chuẩn của nhà sản xuất)

Số tiêu chuẩn: TCCS/79/ORGANIC/2024

1. Sản phẩm: Thực phẩm bổ sung : HETHY FOOD

2. Tên địa chỉ cơ sở sản xuất :

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TẬP ĐOÀN ORGANIC

-Địa chỉ: Lô Cn-2 khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Hà Nội

3. Trạng thái sản phẩm :

- Trạng thái: Bột mịn, đồng nhất, không lẫn tạp chất.
- Màu sắc: trắng ngà
- Mùi, vị: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi mốc hoặc mùi vị lạ.
- Các đặc tính khác: Không lẫn tạp chất lạ.

4. Thành phần cấu tạo:

Soy protein Isolate ISOPRO580 (đạm đậu nành), Gạo lứt, hạt ngô, hạt óc chó, sachi, hạt bí, mè, hạt macca, đậu đen, hạnh nhân, hạt sen, yến mạch, hạt chia, đậu đỏ, đậu xanh, đậu hà lan, Nondairy creamer (bột kem không béo), Fos (chất xơ hòa tan), AquaminF (Canxi từ tảo biển đỏ Lithothamnium), Hỗn hợp Vitamin và khoáng chất tổng hợp Premix VM GL9 (Potassium Chloride, Magne-sium Hydrogen Phosphate, Magnesium Oxide, sodium Ascorbate, Di-alpha-Tocopheryl acetate, Zinc sulphate, Ferric Pyrophosphate, Potassium Iodide, copper Powder (copper Sulphate), Vitamin B3 -Nicotinamide, Sodium selenite, Vitamin A Acetate, Vitamin D3, Vít B9 -Pteroylmonoglutamic Acid, Vitamin B5 - calcium D Pantothenate, Manganese sulphate, Vitamin B6 - Pyridoxine Hydrochloride, Vitamin B12 (Cyanoco-balamin), Sodium Molybdate, D-Biotin, Vitamin B1 - Thiamin Mononitrate, vitamin B2 - Riboflavin, chromium chloride, Vitamin K1, Maltodextrin là chất mang) (1%), chất tạo ngọt tự nhiên steviol glycoside (đường cỏ ngọt), hương liệu tự nhiên dùng trong thực phẩm : Hương chuối

5.1 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu :

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị/100g	Mức chất lượng/100g
1.	Năng lượng	Kcal	364
2.	Chất đạm	g	36.7
3.	Chất bột đường	G	41.7
4.	Chất béo	g	5.56

5.	Chất xơ hòa tan	Mg	17.9
6.	Vitamin A	Mcg	250
7.	Vitamin D3	Mcg	3
8.	Vitamin K1	Mcg	12
9.	Vitamin B1	Mcg	250
10.	Vitamin B2	Mcg	270
11.	Vitamin B3	Mg	3.2
12.	Canxi	Mg	340
13.	Magie	Mg	51
14.	Sắt	Mg	13.4
15.	Photpho	Mg	289
16.	Kali	Mg	693
17.	Natri	Mg	363

5.2 Chỉ tiêu an toàn

a. Giới hạn về vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	TSVSVHK	CFU/g	10000
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E.coli	CFU/g	Không có
4	S.aureus	CFU/g	3
5	CL.perfringens	CFU/g	10
6	salmonella	/25g	Không có
7	B.cereus	CFU/g	3

b. Giới hạn về kim loại nặng:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Thiếc (Sn)	mg/kg	250

c. Hàm lượng các chất không mong muốn.

317.
NG T
S PH
QC PH
ÁP Đ
ORGAN
ONG M

stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025

d. Giới hạn về melamin

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	melamin	Mcg/kg	1

6. Thời hạn sử dụng

Hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) ghi trên nhãn/bao bì sản phẩm.

7. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản

7.1. Công dụng:

Bổ sung Vitamin và khoáng chất

7.2. Đối tượng sử dụng:

Dành cho mọi đối tượng từ trẻ 3 tuổi trở lên

7.3. Hướng dẫn cách dùng

Pha 1 gói 25g với 150-200ml nước, khuấy đều và thưởng thức

Ngày dùng 2-3 lần hoặc theo nhu cầu

Dùng hết sản phẩm đã pha trong vòng 1 giờ, đổ bỏ phần thừa sau 1h sử dụng.

7.4. Hướng dẫn bảo quản

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm

8. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

+ Quy cách đóng gói: 900g/lon, 800g/lon, 650g/lon, 400g/lon, 500g/ lon, 200g/ hộp, 300g/ hộp, 400g/ hộp, 450g/ hộp, 500g/hộp, 800g/hộp, 900g/hộp

+ Chất liệu bao bì đóng gói: Sản phẩm được đựng trực tiếp trong lon thiếc, hộp nhựa, túi thiếc, bên ngoài là thùng giấy.

Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

PHÊ DUYỆT TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

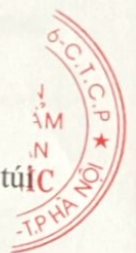
Ngày phê duyệt: 25/10/2024

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Đạt





Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: JOF3241000811-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TẬP ĐOÀN ORGANIC
Địa chỉ/ Client's Address : Lô CN-2 khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 11/10/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 11/10/2024 - 16/10/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 16/10/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG HETHY FOOD
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
3	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.5)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
5	Enterobacteriaceae (*) / Enterobacteriaceae (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	ISO 21528-2:2017
6	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
7	Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	ISO 11290-2:2017



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

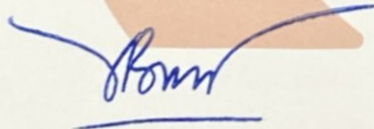
Mã số/ Ref. No: JOF3241000811-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
8	Staphylococci dương tính với coagulase (*) / Staphylococci positive coagulase (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999/Amd 1:2003)
9	Aflatoxin M1 (*) / Aflatoxin M1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.007)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/051 (Ref. TCVN 6685:2009)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**).(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**).(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



BÙI TÂN BÌNH



TRẦN HOÀNG VINH

